TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: **04/** 2018/QĐST- DS	*Tuyên Quang, ngày 23 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Minh Tân

2. Bà Lê Thị Thảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương- cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Hương - Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:36 /TLST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2017

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963 và bà Hà Thị M, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số nhà 06, tổ 15, Phường H, thành phố T, tỉnh Q

* *Bị đơn*: Chị Trần Thị Thủy, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 14, tổ 16, Phường X, thành phố T, tỉnh Q.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Trần Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Hà Thị M cùng địa chỉ Số nhà 06, tổ 15, Phường T, thành phố T, tỉnh Q tổng số tiền là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu toàn bộ 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn V bà Hà Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố T là 5.810.000đ *(năm triệu tám trăm mười nghìn đồng)* theo biên lai số N^0 0003209 ngày 24/5/2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TQ;
- VKS thành phố TQ (2 bản);
- Chi cục THADS tp. TQ;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Lan

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

(6)

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 36/2017/TLST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Vĩnh, sinh năm 1963 và bà Hà Thị Mận, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số nhà 06, tổ 15, Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thủy, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 14, tổ 16, Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Các đương sự có mặt tại phiên toà.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN……..

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..
Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông (Bà).....….....
2. Ông (Bà).....…….....…….....
3. Ông (Bà).....…….....…….....
Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

:…/../TLST-....(3) ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

…….....…….....

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Vĩnh trình bầy:

Do mối quen hệ quen biết với chị Trần Thị Thủy ở tổ 16, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang nên đến ngày 05 tháng 06 năm 2012 tôi và vợ tôi có cho chị Thủy vay số tiền 110.000.000đ tiền gốc, lãi suất là 2%/1 tháng. Chị Thủy đã trả được tiền lãi đến tháng 7 năm 2014 số tiền là 110.000.000đ.

- Tiếp đến ngày 9 tháng 7 năm 2014 vợ chồng tôi lại cho chị Thủy vay số tiền 35.000.000đ, không ghi lãi suất. Chị Thủy đã trả vợ chồng tôi được 16.300.000đ tiền lãi.

Tại phiên toà tôi yêu cầu chị Thuỷ trả vợ chồng tôi số tiền 145.000.000đ tôi không yêu cầu tính tiền lãi. Để tạo điều kiện cho chị Thuỷ trả tiền ông bà nhất trí giảm số tiền xuống còn 100.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

Nguyên đơn bà Hà Thị Mận trình bầy: Tôi cũng cùng ý kiến với ông Vĩnh, không có ý kiến bổ sung gì.

Tại phiên toà tôi yêu cầu chị Thuỷ trả vợ chồng tôi số tiền 100.000.000đ.

** Bị đơn chị Trần Thị Thuỷ trình bầy.*

Chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, chị nhất trí trả cho ông Vĩnh bà Mận số tiền 100.000.000đ *(một trăm triệu đồng)*

Về án phí:

Chị Thuỷ tự nguyện nhận chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thoả thuận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa: Ông Vĩnh bà Mận rút yêu cầu khởi kiện phần tính tiền lãi.

Ông bà yêu cầu chị Thuỷ phải trả toàn bộ số tiền gốc là 145.000.000đ, để tạo điều kiện cho chị Thuỷ trả tiền ông bà nhất trí giảm số tiền xuống còn 100.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

Về phía bị đơn: Chị Trần Thị Thuỷ nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Nhất trí trả số tiền 100.000.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa thể hiện các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội, vì vậy hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đã nêu trên.

Về án phí: Chị Trần Thị Thuỷ tự nguyện nhận chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 147, khoản 2 Điều 171; Điều 239; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471; Điều 438 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận giữa ông Nguyễn Văn Vĩnh và bà Hà Thị Mận và chị Trần Thị Thuỷ.

Chị Trần Thị Thuỷ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn vĩnh và bà Hà Thị Mận cùng địa chỉ Số nhà 06, tổ 15, Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tổng số tiền là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng)*

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ông Nguyễn Văn Vĩnh, bà Hà Thị Mận cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án chị Trần Thị Thuỷ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thuỷ phải chịu toàn bộ 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Vĩnh bà Hà Thị Mận số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang là 5.810.000đ *(năm triệu tám trăm mười nghìn đồng)* theo biên lai số N^0 0003209 ngày 24/5/2017.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có*

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (02 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ+ Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lan